

CÔNG TY TNHH TUNING BOX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TUNING BOX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUNING BOX COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TUNING BOX CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110133926

3. Ngày thành lập: 28/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

U14 L11 - Khu đô thị mới Đô Nghĩa, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0877744188

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ hoạt động đấu giá)	4620
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa; - Đại diện cho thương nhân (Điều 141 Luật Thương mại 2005) - Ủy thác mua bán hàng hóa (Điều 155 Luật Thương mại 2005) - Nhượng quyền thương mại (Điều 284 Luật Thương mại 2005) (Trừ hoạt động đầu giá tài sản) (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
11.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
12.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
13.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523

14.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
15.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
16.	Quảng cáo	7310
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất	7410
19.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4690
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
21.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
26.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
27.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709(Chính)
32.	In ấn	1811
33.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
34.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
35.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
37.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
38.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
39.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
40.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4785
41.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4789

42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
43.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 3 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9, nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
47.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4761
55.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4762
56.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC LUÂN	Việt Nam	Thôn Cổ Điền, Xã Hải Bôi, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	125.000.000	25,000	001095034795	
2	NGUYỄN NGUYỄN VŨ	Việt Nam	108/124 Trần Huy Liệu, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	375.000.000	75,000	036094000345	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NGUYỄN VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036094000345

Ngày cấp: 21/08/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *108/124 Trần Huy Liệu, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CT3 chung cư The Pride Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội